TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST Ngày: 08-5-2019 V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Văn H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 7, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Hồ Văn H là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị M chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh H và chị M chung sống hạnh phúc. Từ năm 2008, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp nhưng nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh H và chị M quyết định không tiếp tục chung sống với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Tuyết M là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M thừa nhận lời trình bày của anh H về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Hồ Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân Hồ Văn H (Photo);

- 01 Sổ hộ khẩu (Photo);

- 01 Trích lục khai sinh tên Hồ Minh T, sinh ngày 01/01/1993 (Bản sao);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 23/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Hồ Văn H có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn"*.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Tuyết M.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Hồ Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, mặc dù việc sống chung của anh chị đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng anh H và chị M đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và*

chồng...."; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do anh H và chị M không đăng ký kết hôn nên khi anh H xin ly hôn Hội động xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người; và vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Hồ Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H và chị M trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh H và chị M trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét .

- Án phí: Anh Hồ Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Hồ Văn H và chị Nguyễn Thị Tuyết M là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Minh T, sinh năm 1993. Hiện con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006442 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Võ Thị Ngọc Minh